TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/DSST
Ngày 16/9/2019
V/v "*T/c hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Văn Thành Nhiều**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: không tham gia.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2019/TLST-DS ngày 16/7/2019 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS ngày 13/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-DS ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 280/18, tổ 05, khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Võ Thị K**, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 360, khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn B trình bày:***

Vào ngày 29/11/2017 chị Võ Thị K có hỏi vay của anh B số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), khi vay tiền chị K có viết biên nhận và hẹn đến ngày 29/12/2017 sẽ trả tiền cho anh B, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/ngày. Từ khi chị K vay tiền của anh B cho đến nay thì chị K có trả cho anh B nhiều lần được số tiền gốc là 28.500.000 đồng.

Nay tại Tòa án anh B yêu cầu chị Võ Thị K trả cho anh B số tiền còn thiếu là 21.500.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng)*, không yêu cầu tính lãi và

yêu cầu trả đủ một lần. Anh B chỉ yêu cầu chị K trả nợ, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ cho anh B.

**** Bị đơn chị Võ Thị K trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa:***

Tháng 11 năm 2017 chị K có hỏi vay của anh Phạm Văn B cùng khu phố A số tiền gốc là 50.000.000 đồng, khi vay tiền chị K có viết biên nhận cho anh B, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận ngoài với nhau mỗi ngày chị K đóng cho anh B 350.000 đồng tiền lãi. Sau khi vay tiền chị K có trả cho anh B nhiều lần được số tiền gốc là 28.500.000 đồng và chị K có đóng lãi đầy đủ, khi đóng lãi thì không có làm giấy tờ gì,

Nay chị K xác nhận còn nợ của anh B số tiền gốc là 21.500.000 đồng và chị K xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn không có khả năng trả một lần, số tiền lãi chị K đã đóng cho anh B chị K không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa anh Phạm Văn B và chị Võ Thị K là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của anh B yêu cầu chị K trả số tiền còn thiếu là 21.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh B và chị K thống nhất vào tháng 11 năm 2017 anh B có cho chị K vay số tiền là 50.000.000 đồng, chị K có viết biên nhận cho anh B, sau khi vay tiền chị K có trả cho anh B nhiều lần được số tiền gốc là 28.500.000 đồng, hiện nay chị K còn nợ của anh B số tiền gốc là 21.500.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của chị K cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế chị đang gặp khó khăn, chị K xin trả dần cho anh B mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc chị K xin trả dần số tiền trên không được anh B chấp nhận, nên yêu cầu của chị K không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, trước đây anh B đã đồng ý để cho chị K trả dần số tiền còn thiếu, nhưng chị K không thực hiện đúng theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của anh B. Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị K phải có nghĩa vụ trả cho anh B số tiền 21.500.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 21.500.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng)*

Án phí tính như sau: 21.500.000 đồng x 5% = 1.075.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Yêu cầu của anh B được chấp nhận nên anh B không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho anh Phạm Văn B số tiền tạm ứng án phí là 537.000 đồng (*Năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0003449 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị K phải nộp 1.075.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn B.

2. Bác lời khai nại của chị Võ Thị K.

3. Buộc chị Võ Thị K trả cho anh Phạm Văn B số tiền là 21.500.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Võ Thị K phải nộp 1.075.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho anh Phạm Văn B số tiền tạm ứng án phí là 537.000 đồng (*Năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0003449 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện H;*
- *Chi cục THA huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái